

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2023
“*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Thúy, ông Trần Công D1.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Mai- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐ-ST ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1991;

Nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lâm Thị Quỳnh D1, sinh năm 1997;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi làm việc hiện nay: Số 3-2-18-304 Ogusu, quận Minami, thành phố Fukuoka, tỉnh Fukuoka, Nhật Bản (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DỊ VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D trình bày:

Anh và chị Lâm Thị Quỳnh D1 đăng ký kết hôn ngày 30/8/2019 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm cuối du học tại Nhật Bản (năm 2017) anh quen chị Lâm Thị Quỳnh D1, hai bên có tự do tìm hiểu và đi đến kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn được vài ngày chị D1 tiếp tục sang Nhật Bản làm việc còn anh làm việc tại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng nhạt dần, ban đầu vợ chồng hay liên lạc với nhau sau này hạn chế liên lạc, chị D1 cũng cho biết chị không về Việt Nam nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với chị Lâm Thị Quỳnh D1.

Về con chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lâm Thị Quỳnh D1 vắng mặt tại phiên toà. Quá trình giải quyết vụ án, chị D1 có bản tự khai gửi về cho Tòa án qua đường bưu điện có xác nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka, Nhật Bản; chị D1 trình bày: Năm 2017 chị sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, quen biết anh Nguyễn Tiến D và đi đến kết hôn, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 30/8/2019. Sau khi kết hôn chị tiếp tục sang Nhật Bản làm việc còn anh D ở lại Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn do khoảng cách địa lý mỗi người một nơi, không thường xuyên liên lạc nên bất đồng quan điểm sống. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không tìm được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh D có đơn xin ly hôn chị đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống riêng của vợ chồng.

Về con chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, về công nợ, các vấn đề khác: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị D1 đang làm việc tại Nhật Bản, không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án, do vậy chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, đề nghị sớm đưa vụ án ra xét xử. Mọi văn bản giấy tờ đề nghị Tòa án gửi cho bố mẹ chị là ông Lâm Văn B, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970 tại Thôn Q, xã M, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, gia đình sẽ thông báo lại cho chị, chị không thắc mắc gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tiến D và chị Lâm Thị Quỳnh D1 đều là người Việt Nam; chị D1 hiện đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản; vì vậy, vụ án ly hôn giữa anh D và chị D1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Hiện nay anh D đang sinh sống và làm việc tại Thôn 4, xã Đại Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; trước khi sang Nhật Bản sinh sống, làm việc chị D1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Do bị đơn không có mặt tại Việt Nam, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ theo

quy định của pháp luật và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D với bị đơn chị Lâm Thị Quỳnh D1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không tìm được biện pháp để hàn gắn tình cảm quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn để mỗi bên được tạo lập cuộc sống mới theo yêu cầu của các đương sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, về công nợ, các vấn đề khác: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Tiến D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Tiến D ly hôn chị Lâm Thị Quỳnh D1.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0004056 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Vĩnh Phúc; anh D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tiến D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Lâm Thị Quỳnh D1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc.
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Vũ Văn Mạnh

